

## **7. TRUYỆN ĐẠI HÒA THƯỢNG ĐÔNG CHINH THỜI TIỀN ĐƯỜNG**

*Chân nhân Nguyên Khai soạn thuật*

Đại hòa thượng huý là Giám Chân, vốn người huyện Gian Dương, Dương Châu, dòng họ Thuần Vu, là con cháu của Biện sĩ Khôn thời nhà Tề. Thân phụ ngài trước đó đến chỗ Thiền sư Chí Mãn ở chùa Đại Vân tại Dương Châu, thọ giới tập học thiền môn. Năm 14 tuổi ngài theo thân phụ vào chùa, thấy tôn tượng Phật, tâm sinh cảm động nhân đó xin thân phụ cầu cho xuất gia. Thấy chỉ khí kỳ đặc ấy, thân phụ bèn hứa thuận cho ngài xuất gia.

Bấy giờ, gặp năm Trường An thứ nhất (71) thời Đại Chu, Võ Tắc Thiên

(Võ Hậu) ban sắc chiếu các châu độ xin xuất gia, ngài bèn đến chỗ Thiền sư Chí Mãn cầu xin xuất gia làm Sa di, được phối thuộc ở chùa Đại Vân, về sau chùa đó đổi hiệu là Long Hưng. Đến năm Cảnh Long thứ nhất (75) dưới thời Trung Tôn Hiếu Hòa Hoàng Đế (Lý Hiếu) thời tiền Đường, ngài theo luật sư Đạo Ngạnh thọ giới Bồ-tát. Đến năm Cảnh Long thứ nhất (77) thời tiền Đường, từ Đông đô ngài mang tích trượng vào Trường An. Đến ngày 28 tháng 3 năm Cảnh Long thứ 2 (78) thời tiền Đường, ngài đến chùa Thật Tế ở Tây Kinh, đăng đàn thọ giới Cụ Túc, do Luật sư Hoảng Cảnh ở chùa Nam Tuyền tại kinh châu làm hòa thượng, Ngài vân du cả hai kinh nghiên tầm tập học ba tạng. Sau, ngài trở về Hoài Nam hoảng dương giới luật. khắp xứ Giang Hoài chỉ riêng một mình ngài làm Hóa chủ. Do đó, ngài làm mọi Phật sự hóa độ quần sinh, những việc ấy lắm nhiều chẳng thể ghi tả đủ hết.

Vào năm Quý Dậu, tức năm Thiên Bình thứ 5 ở Nhật Bản có các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu, v.v... theo sự phân phái của sư giả Đại Đường (Trung Hoa) là Đan Trì, Chân Nhân Quảng Thành đến ở học tại Trung Hoa, lúc đó là năm Khai Nguyên thứ 21 (733) thời tiền Đường vậy. Chư Đại Đức Tam tạng Pháp sư ở các chùa tại nước Đường (Trung Hoa) đều lấy giới luật làm cửa chánh vào Đạo. Nếu có người không nghiêm trì giới thì không kể vào trong chúng tăng. Do đó mới biết tại bốn quốc (nước Nhật Bản) không có người truyền giới, bèn thỉnh mời Luật sư Đạo Quỳnh ở chùa Phước Quang tại Đông Đô nương theo thuyền của phó sứ trung thân triều thần danh đại trước đến nước Nhật Bản phỏng làm người truyền giới.

Các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu dừng ở cầu học tại Trung Hoa

trải qua 10 năm, tuy chẳng đợi sứ mà muốn sớm trở về. Do đó cầu thỉnh các Sa-môn Đạo Thuyền, Trừng Quán ở chùa An Quốc tại Tây Kinh, Sa-môn Đức Thanh tại Đông Kinh, Sa-môn Như Hải ở Cao Ly. Lại xin được thư của Lâm Tông; anh của tể tướng Lý Lâm Phủ cùng với Thượng Tào Lý Thấu ở Dương Châu kiến tạo thuyền lớn và chuẩn bị lương thực phân phát đưa đi. Lại cùng hai học Tăng Huyền Lăng, Huyền Pháp người Nhật Bản đồng đến Dương Châu. Lúc đó là tháng 10 năm Thiên Bảo thứ nhất (742) thời Tiền Đường (tức năm Nhâm Ngọ, năm Thiên Bình thứ 14 ở Nhật Bản) khi ấy ngài (Đại Hòa Thượng) đang ở chùa Đại Minh tại Dương Châu, vì chúng tăng mà giảng luật. Các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu đến chùa Phổ Minh, đảnh lễ dưới chân ngài, thuật bày bản ý rằng: “Phật pháp lưu truyền đến phương Đông. Đến nước Nhật Bản tuy có pháp ấy mà không có người nhận pháp. Xưa kia tại nước Nhật Bản có Thái Tử Thánh Đức nói rằng: “hai trăm năm sau thánh giáo sẽ hưng thịnh ở Nhật Bản”. Nay hợp với vận ấy, xin nguyện Đại Hòa Thượng vân du phương Đông hoằng dương kiến hóa”. Ngài đáp rằng: “Xưa trước nghe nói Thiên sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc sau khi thị tịch thác sinh làm vương tử nước Ca (Nhật Bản), phát huy Phật pháp cứu độ quần sinh. Lại nghe vương tử Trưởng Ốc ở nước Nhật Bản kính sùng Phật pháp, tạo ngàn pháp y ca sa cúng dường đại đức chúng tăng nước này. Trên viền y ca sa dệt thêu bốn câu rằng:

*“Núi sông tuy khác cõi  
Gió Trăng đồng một trời  
Gửi cùng người con Phật  
Kết duyên ở tương lai.”*

Lấy đó mà suy lường, thật là đất nước Nhật Bản có duyên phát huy Phật pháp hưng thịnh vậy. Nay tôi đồng trong pháp chúng, có ai đáp lại sự thỉnh mời xa xôi ấy cùng đến nước Nhật Bản truyền pháp chăng?”

Bấy giờ Tăng chúng im lặng, không một ai đối đáp, giây lâu, có Sa-môn Tường Ngạn đứng lên thưa rằng: “Nước ấy rất xa xôi, tánh mạng khó bảo tồn, biển nước mênh mông, trăm người khó đến được một. Mà thân người khó được, sinh tại Trung quốc lại càng khó, tiến tu chưa hoàn bị, đạo quả chưa thành, cho nên trong chúng tăng đều im lặng không một ai đối đáp mà thôi. ” Ngài bảo rằng: “đã vì Pháp sự cố sao lại tiếc thân mạng, các người không đi thì tôi đi một mình vậy”. Sa-môn Tường Ngạn thưa: “Nếu Đại Hòa Thượng đi, Tường Ngạn con cũng xin đi theo”. Bên có các Sa-môn Đạo Hưng, Đạo Thuyền, Thần Đảnh,

Tuý Nhẫn, Linh Sán, Minh Liệt, Đạo Mặc, Đạo Nhân, Pháp Tạng, Pháp Tải, Đàm Tĩnh, Đạo Dực, U Nham, Như Hải, Trừng Quán, Đức Thanh, Tư Thác, v.v... cả thầy có 21 người phát nguyện đồng tâm theo ngài đi. Yếu ước đã hoàn tất, mới đến Đông Hà tạo thuyền bè, Thương Tào Lý Thấu ở Dương Châu y cứ theo thư của Lý Lâm Tông đồng đến kiểm xét công việc làm thuyền bè và chuẩn lương thực. Ngài cúng các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu, v.v... đồng ở tại chùa Ký Tế, chuẩn bị đầy đủ các thức ăn phở, và chỉ nói là đem đi cúng dường chúng Tăng ở chùa Quốc Thanh tại núi Thiên Thai. Lúc đó là năm Quý Mùi tức năm Thiên Bảo thứ 2 (743) thời Tiên Đường. Bấy giờ giặc biển khuấy động lắm nhiều quanh bờ biển Đài Châu, Ôn Châu, Minh Châu đều bị chúng phá hại, đường biển bít lối, công tư đều cấm đi. Sa-môn đạo thuyền nói rằng: “Nay đến nước khác vì việc hoảng truyền Giới Pháp, các người phải là cao đức, hạnh nghiệp nghiêm túc thanh tịnh, còn như Sa-môn Như Hải, v.v... đây ít học nên có thể dừng lại”. Khi ấy Sa-môn Như Hải rất tức giận, bọc đầu người Châu đến Thái Phóng Sảnh bảo rằng: “Đại sư có biết chăng? Có Sa-môn Đạo Thuyền làm ghe thuyền để vào biển liên kết cùng bọn giặc biển. Lại có bao nhiêu người chuẩn bị thức ăn khô ở các chùa Ký Tế, Khai Nguyên, Đại Minh, lại có 500 giặc biển vào đến thành”. Khi ấy Hoài Nam Thái Phóng sứ Ban Cảnh Thiển nghe tin ấy liền rất lo sợ, bèn sai người dẫn Sa-môn Như Hải đến ngục để xét hỏi. Lại sai Quan nhân đến chùa gan bắt bọn giặc, bèn lục soát tìm được các thức ăn khô tại chùa Ký Tế, bắt được Sa-môn Phổ Chiếu người Nhật Bản tại chùa Đại Minh, bắt được Sa-môn Huyền Lãng, Huyền Pháp tại chùa Khai Nguyên, còn Sa-môn Vinh Duệ trốn chạy vào nằm giữa trong ao nước, không bao lâu, thấy nước xao động nên quan nhân vào ao nước bắt được Vinh Duệ. Tất cả đều đưa về huyện để tra hỏi. Sa-môn Đạo Thuyền ẩn trốn trong nhà thế tục cũng bị bắt được và đưa vào trong ngục cấm. Tra hỏi rằng: “đồng bọn có bao nhiêu người liên kết với bọn giặc biển?”. Sa-môn Đạo Thuyền đáp rằng: “Không có liên kết với giặc biển, còn ghe thuyền là do Lâm Tông, anh của Tế Tướng Lý Lâm Phủ tạo nên, nay kiến tu tạo công đức sang núi Thiên Thai cúng dường chúng tăng ở chùa Quốc Thanh. Đi đường bộ trải qua núi rừng gian khổ nên sắm ghe thuyền để đi lại đường biển. Nay lại có hai bức thư của Lý Lâm Tông hiện ở tại Thương Tào”. Thái Phóng sai người đến hỏi Thương Tào. Thương Tào đáp:

“Thật có vậy”. Bèn đòi lấy thư ấy đọc xem. Xong rồi bảo: “Đại Sư không việc gì. Nay ba bọn giặc biển khuấy động không thể đi qua

bằng đường biển, thuyền đã làm ra giao nộp cho Quan, còn các tạp vật hoàn trả lại các chư tăng”. Sa-môn Như Hải vu cáo xằng bậy và các kẻ trái phải hoàn tục, đánh 60 trượng, đuổi về quê phủ. Bốn vị Sa-môn người Nhật Bản, từ Dương Châu lên tấu trình đến Kinh Đô, Hồng Lô kiểm xét đến hỏi chùa các vị ấy có ở, nhà chùa đáp rằng: “Các Sa-môn ấy theo giá đi không thấy trở lại”. Hồng Lô bèn y theo chùa đáp mà tấu trình, bèn ban sắc xuống Dương Châu rằng: “các Sa-môn Vinh Duệ, v.v... đã là phiên Tăng vào chùa học hỏi, mỗi năm nên ban tặng 25 xấp lụa quyên, cung cấp y phục hợp với bốn mùa, lại là những người dự tham theo giá, chẳng phải nguy lạm, nay muốn trở về nước, nên tùy ý mà phóng thả trở về, nên y theo lệ của Dương Châu mà đưa tiễn”. Bấy giờ các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu, v.v... bị giam cầm 4 tháng, đến 8 tháng mới được phóng thả. Sa-môn Huyền Lãng, Huyền Pháp từ đó riêng trở về nước Nhật Bản.

Khi ấy, Sa-môn Vinh duệ và Phổ Chiếu cùng bàn với nhau rằng: “bản nguyện chúng ta vì truyền giáo pháp thỉnh cầu chư vị đại đức đưa về nước Nhật Bản, nay Dương Châu vâng phụng sắc ban chỉ tiễn đưa bốn người chúng ta, không được thỉnh mời Chư Tăng, mà trở về không thì chẳng ích gì. Đâu như chẳng nhận sự đưa tiễn của Quan cứ y như cũ mà thỉnh mời Chư Tăng, mai đây trở về nước ai là người lưu truyền giới pháp ư?”. Do đó, bèn trốn quan sở đồng đến chỗ Ngài (Đại Hòa Thượng) lường tính. Ngài bảo rằng: “Chớ phải lo buồn, nên tìm kiếm phương tiện sẽ được toại nguyện”. Bèn xuất 80 quan tiền mua được một chiếc thuyền quân lính của Lãnh Nam Đạo Thái Phóng Sứ Lưu Lã Lân, thuê mượn được 18 người làm thuyền, chuẩn bị hải lương linh chi, 100 thạch gạo hồng lục, 30 thạch đậu hộp, 180 cân ngư tô, 50 thạch bún, 2 xe bánh hồ khô, 1 xe bánh nướng khô, 1 vạn bánh mỏng khô, 1 xe rưỡi phiên thạch đầu, đủ 30 tác hợp tử bàn và đem theo một pho tôn tượng hòa 5 đảnh đầu, một pho tượng bóng, một tôn tượng vàng bùn, một lục phiến Phật Bồ-tát Chương Tử, một bộ kinh Hoa Nghiêm bằng chữ vàng, một bộ kinh Đại Phẩm bằng chữ vàng, 100 bộ lẫn lộn Kinh Luận Chương Sở, một Nguyệt Linh Chương Tử, một bộ kinh Đại Niết-bàn bằng chữ vàng, một hàng Thiên Chương Tử, 120 tràng Phan Đạo Tràng, 14 dải cầu Phan, 8 Ngọc Hoàng Bình Phan, 50 hộp Kinh Loa Điền, 20 cái bình đồng, 24 bức chăn gia hoa, 1000 chiếc áo Ca Sa, 1000 chiếc áo Thiên Sa, 1000 Tọa Lộ, 4 sần lớn lộng đồng, 40 cái lộng lá trúc, 20 mâm đồng lớn, 20 mâm đồng vừa, 40 mâm đồng nhỏ. 80 xấp đồng mặt một thước, 20 xấp đồng nhỏ, 16 xấp giỏ sợi tua trắng, 6 xấp giỏ sợi năm

sắc, 20 Tề Xạ Hương, Trầm Hương, Giáp Hương, Cam Tùng Hương, Long Nảo Hương, Thiện Đường Hương, An Túc Hương, Sạn Hương, Linh Lục Hương, Thanh Mộc Hương, Huân Lục Hương cả thảy có hơn 600 cân. Lại có các thứ Tất Bát, Ha Lê Lặc, Hồ Tiêu, A Ngưu, Thạch Mật, Giá Đường, v.v... hơn 500 cân, 10 hộc mật ong, 80 bó cam giá, 10000 quan tiền xanh, 10000 quan tiền chánh lô, 5000 quan tiền tử biên, 2000 cái đầu La Bộc, 30 lượng giầy dệt sợi gai, 30 chiếc chiếu mũ, đúc thúc các Sa-môn Tường Ngạn, Đạo Hưng, Vinh Duệ, Đức Thanh, Phổ Chiếu, Tư Thác, v.v... cả thảy 17 vị, người làm ngọc, các tay thợ họa, điêu khắc chạm trở thêu vẽ, sửa văn khắc bia, v.v... có đến 85 người đồng lên một thuyền.

Bắt đầu từ tháng 12 năm Thiên Bảo thứ 2 (743) thời tiền Đường, căng buồm theo hướng Đông đi xuống, đến bờ sông Lan Cầu bị gió giữ cuốn thổi, sóng lớn đập phá thuyền, mọi người đều lên bờ, nước triều dâng đến eo bụng người, ngai ngời trên cỏ nơi gò cao, các người khác đều ở trong nước, gió Đông rét lạnh rất lắm đắng cay, lại phải sửa thuyền, xuống đến núi Đại Bạng, ghé thuyền không được, liền phải xuống đảo núi, dừng ở một tháng, đợi chờ gió tốt mới bắt đầu đi, muốn đến núi Tang Thạch, bỗng nhiên gió thổi mạnh sóng dâng cao, thuyền không cập bờ được, không phương kế gì để tính liệu. Vừa mới khởi bờ nguy hiểm trở lại rơi trên đá, thuyền hư hỏng, người và thuyền đều phải kéo lên bờ, gạt nước đều hết. Đợi khác qua 3 ngày, gió dừng sóng lặng, tuyên lang đem nước gạo đến cứu giúp. Lại trải qua 5 ngày, có hoàng hải cung đến hỏi tin tức, tỏ bày cầu xin Thái Thú Minh Châu xử phán, được an đặt đến ở chùa A-dục Vương tại núi Mậu Huyện. Chùa đó có tháp của Vương A-dục, Minh Châu là một huyện của Việt Châu xưa kia. Năm Khai Nguyên thứ 21 (733) thời tiền Đường, Việt Châu Mậu Huyện lệnh Vương Thúc Đạt tâu trình cắt một huyện của Việt Châu đặt làm Minh châu, lại mở 3 huyện khiến thành một Châu bốn huyện. Nay gọi là quận Dư Diêu. Tháp của vua A-dục là sau khi Đức Phật diệt độ khoảng 100 năm có vị Thiết Luân Vương tên là A-dục Vương sai khiến quý thần kiến tạo 84.000 ngôi tháp, tháp ấy là 1 trong số đó. Tháp ấy chẳng phải bằng vàng ngọc đá đất đồng sắt, màu sắc tử ô khắc chạm khác thường, một mặt biến làm Vương Tử Tất Đoả, một mặt biến làm xả bỏ tròn mắt, một mặt biến làm xả bỏ đầu não, một mặt biến làm cứu chim bồ câu, trên không lộ bàn, giữa có treo chuông, chôn vùi trong đất, không người nào biết được, chỉ có nền vuông cao vài nhận, cỏ cây um tùm che phủ, ít có người tìm thấy. Đến năm Thái Thỉ thứ nhất (265)

thời Tây Tấn có Lưu Tát Ha người xứ Tây Hà Ly Thạch thuộc Tinh Châu bị chết đến chỗ vua Diêm La, vua Diêm La bảo đào bới ra. Từ đó trải qua các Triều Đại Tấn Tống Tề Lương cho đến thời Tiền Đường, lúc nào cũng có tạo tháp dựng nhà, công việc ấy lắm nhiều. Trên đỉnh núi đá ở phía Đông Nam Mậu Sơn có một dấu chân phải của Đức Phật, trên mõm núi nhỏ ở phía Đông Bắc lại có một dấu chân trái của Đức Phật, đều dài một thước 4 tấc, trước rộng 5 tấc 8 phân, sau rộng 4 tấc rưỡi, lún sâu 3 tấc, tướng thiên bức luân, đường văn ngư ẩn hiện bày rõ ràng. Ở đời tương truyền đó là vết chân của Đức Phật Ca-diếp vậy. Về hướng Đông cách khoảng 2 dặm bên cạnh đường có một giếng thánh sâu 3 thước, trong mát ngọt ngon, trời mưa lớn chẳng dâng tràn, trời nắng hạn không khô cạn. Trong giếng có một vảy cá dài 1 thước 9 tấc, ở đời tương truyền đó là Bồ-tát Hộ Trì Tháp, có người đem hương hoa đến cúng dường nếu là người có phước thì liền thấy, còn kẻ không phước trải qua nhiều năm mong cầu vẫn không thấy. Có người đến trên giếng làm nhà, dùng 7 món báu làm cây ngói tự nhiên trong giếng nước dâng trào cuốn trôi đi.

Đến năm Thiên Bảo thứ 3 (744) chúng tăng ở chùa Long Hưng tại Việt Châu thỉnh cầu Ngài, giảng luật thọ giới xong, lại có chư Tăng ở Hàng Châu, Hồ Châu, Tuyên Châu đều đến cầu thỉnh ngài giảng luật. Y theo thứ tự, ngài vân du truyền giảng giới luật, rồi trở về đến chùa A-dục Vương ở Mậu Sơn. Bấy giờ chư Tăng tại Việt Châu biết ngài muốn sang nước Nhật Bản, nên báo cùng Quan ở châu rằng: “Sa-môn Vinh Duệ người Nhật Bản dẫn dụ Đại Hòa Thượng muốn sang nước Nhật Bản”. Khi ấy Sơn Âm Huyện Úy sai người đến nhà Vương Thừa tìm bắt được Sa-môn Vinh Duệ, gông trói vôi đưa về kinh. Vừa đến Hàng Châu, Sa-môn Vinh Duệ cảm mắc bệnh xin được dừng nghỉ trị liệu, trải qua thời gian dài, nói bệnh hẳn chết mới được phóng thả.

Các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu v.v... vì cầu pháp mà trước sau mắc phải ương họa khốn khổ chẳng thể nói hết, nhưng chí nguyện vẫn kiên cố, không hề hối hận thối thất. Ngài rất hoan hỉ với chí khí như thế, muốn được toại chí nguyện ấy mới sai Sa-môn Pháp Tấn cùng 2 vị cư sĩ đem tiền của sang Phước Châu mua thuyền, chuẩn bị lương thực vật dụng, ngài dẫn các Môn Đồ, Sa-môn Tương Ngạn, Vinh Duệ, Phổ Chiếu, Tư Tháp, v.v... hơn 30 người lễ bái già từ tháp vua A-dục rồi lần lượt lễ bái các Phật tích, cúng dường Giếng Thánh, Bồ-tát Cá Hộ Trì Pháp, men theo núi thẳng ra châu, thái tú lô đồng tử và tăng chúng phụ lão nghinh tiếp thiết lễ cúng dường, sai người chuẩn bị lương thực, đưa

đến chùa Thôn Bạch Xã, tu sửa tháp đã bị hư hại, huyền hóa mọi người trong làng xóm tạo dựng một điện phật. Đến huyện Linh Hải thuộc Đài Châu, dừng nghỉ qua đêm tại chùa Bạch Tuyền, sáng hôm sau, thợ trai xong vượt núi, đánh núi cao với đường xa, đến chiều mờ tối núi khe suối sâu lút đầu gối, tuyết bay mờ cả mắt, mọi người khóc lę đồng nhận chịu sự lạnh khổ, sáng hôm sau mới vượt qua đảnh núi, vào huyện Đường Hưng chiều tối vào chùa Quốc Thanh, từng trúc um tùm, cây lá ngời ánh sáng ngập, tháp báu điện ngọc lung linh rực rỡ, trang nghiêm hoa sức nói không thể hết, thông thả rảo bước núi Thiên Thai Thú Vịnh chẳng thể hết trong muôn một, ngài lần lượt lễ bái các thánh tích, ra đến huyện chỉ thủy phân, vào huyện Lâm Hải, dẫn đường đến Bạch Phong, men theo lối bờ sông bèn đến huyện Hoàng Nham. Tiệ theo đường quận Vĩnh Gia đến chùa Thiền Lâm, dừng nghỉ qua đêm.

Sáng hôm sau thợ trai xong, sửa soạn muốn đến Ôn Châu, bỗng nhiên có Thái Phóng sứ điệp đến tìm bắt. Với tâm ý là đệ tử của ngài ở Dương Châu là Sa-môn Linh Hựu cùng Chúng Tăng Tam Cang ở các chùa đồng bàn với nhau rằng:

“Đại Hòa Thượng của chúng ta phát nguyện đến nước Nhật Bản, trèo núi vượt biển, đã qua vài năm gian khổ, Biển khơi mênh mông muôn dặm không biết đã sống chết như thế nào, nên có thể cùng nhau trình báo Quan sở ngăn chặn khiến ở lại”. Bèn dâng điệp văn tâu báo cùng Châu Huyện, do đó, Giang Đông Đạo Thái Phóng Sứ ban sắc điệp xuống các Châu, trước tiên truy bắt Chư Vị Đại Đức Tam Cang ở các chùa đưa về trong ngục để tra hỏi, tiếp lần theo vết đến Chùa Thiền Lâm đón bắt được ngài, sai sứ phòng hộ áp giải đưa về, bao bọc chung quanh cả 10 lớp, đưa đến sở Thái Phóng Sứ. Các Châu Huyện ngài đến, quan dân đều dự tham nghinh đón, lễ bái mừng vui, liền phóng thả Chư Vị Đại Đức Tam Cang bị giam cầm bấy lâu, Thái Phóng Sứ phân sứ trở về chùa cũ để ở. Và ước thúc Chư Vị Đại Đức Tam Cang phòng hộ chớ để ngài lại đi đến nước khác. Các hàng đạo tục ở khắp các châu nghe ngài về đến, mỗi người tự bày biện tứ sự cúng dường, đưa nhau đến chúc mừng, vội vã nắm tay hỏi han khổ nhọc, chỉ riêng mình Ngài buồn bã mắng trách Sa-môn Linh Hựu, không cho mở mang mặt mày. Thường ngày, Sa-môn Linh Hựu đến sám tạ cầu xin hỷ hoan tha thứ, mỗi đêm từ canh một đến canh năm đứng suốt để sám tạ lỗi quá, cứ như vậy trọn 60 ngày. Và chư vị Đại Đức Tam Cang ở các chùa cùng lại lễ tạ cầu xin hoan hỷ, ngài mới mở mang mặt mày.

Đến mùa xuân năm Thiên Bảo thứ 7 (748) thời Tiền Đường, các

Sa-môn Linh Duệ, Phổ Chiếu từ quân Đông An đến chỗ Ngài ở chùa Sùng Phước tại Dương Châu, ngài lại cúng 2 Sa-môn ấy chuẩn bị phương tiện, tạo thuyền, mua sắm hương thuốc, lo liệu mọi vật đầy đủ như sự chuẩn bị trong năm thiên bảo thứ 2 (743) thời tiền đường trước kia vậy. Những người đồng hành như Sa-môn Tường Ngạn, Thần Thương, Quang Diễn, Đốn Ngộ, Đạo Tổ, Như Cao, Đức Thanh, Nhật Ngộ, Vinh Duệ, Phổ Chiếu, Tư Thác, v.v... kể tăng người tục cả thảy 14 vị, lại cảm hóa được 18 tay thủy thủ, ngoài ra những người vui thích cùng theo có cả thảy 35 người. Đến ngày 27 tháng 6, phát xuất từ chùa Sùng Phát đi đến Tân Hà, Dương Châu, nướng thuyền xuống đến núi Giới Lang ở Thường Châu, bỗng nhiên gió nổi, sóng vỗ cao, xoay chuyển quanh ba núi. Ngày hôm sau gặp được gió thuận bèn đến được núi Tam Tháp ở Việt Châu, dừng ở lại đó một tháng. Đến sáng sớm ngày 16 tháng 10, Ngài bảo rằng: “Hôm qua mộng thấy có ba Quan nhân, một người mặc lụa đào, hai người mặc lụa lục đến trên bờ bái biệt, nên biết Quốc thần cùng giả từ vậy. Nghi Chuyển này hẳn vượt biển được”. Chỉ chốc lát gió nổi dậy, chỉ hướng núi Đảnh ngạn mà xuất phát, theo hướng Đông Nam trông nhìn thấy núi, đến giữa trưa núi ẩn mất mới biết là ánh giả vậy. Cách bờ dần xa, gió bỗng giạt mạnh, nước đen như mực, một lần sóng vọt như lên núi cao, sóng dữ lại đến tựa như vào hang sâu mọi người đều mê man say mệt, chỉ còn biết xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm. Người lái thuyền bảo rằng: “nay thuyền muốn đắm chìm, có gì đáng mến tiếc”. Liền kéo các giỏ sạn hương muốn ném vất, giữa không trung bỗng có tiếng bảo rằng: “chớ vất bỏ, chớ vất bỏ”. Bèn thôi. Đến lúc nửa đêm, người lái thuyền bảo rằng: “có 4 thần vương mặc áo giáp cầm nắm gậy ở hai đầu thuyền và hai bên mạn thuyền”. Mọi người nghe nói vậy trong lòng tạm an. Ba ngày sau qua đến biển rấn, rấn ở đó dài hơn một trượng, con nhỏ nhất dài cũng hơn 5 thước, sắc màu lan lổ khắp đầy trong biển. Ba ngày sau vào đến biển cá bay, cá bay có sắc màu trắng che đầy giữa không trung, cá lớn dài một thước. Năm ngày sau lại qua biển chim bay, chim lớn như người bay đậu trên thuyền, thuyền nặng như muốn đắm chìm, mọi người đưa tay xua đuổi, chim liền ngậm lấy tay. Sau đó hai ngày không có vật gì, chỉ có gió dữ sóng cao, chư Tăng mỗi một nằm chỉ một mình Sa-môn Phổ Chiếu mỗi ngày đến giờ ăn đem gạo sống cấp cho chư Tăng xung vào bữa ăn trưa, trên thuyền không có nước, ăn gạo sống cổ họng khô rát không xuống, uống nước biển bụng liền phình chướng. Một đời gian khổ sao quá cực đến thế? Trong biển bỗng nhiên có 4 con cá vàng mỗi con dài một thước



chạy quanh bốn phía thuyền. Đến sáng sớm, gió dứt, trông nhìn thấy núi mọi người đều khát nước muốn chết. Bỗng nhiên sắc mặt Sa-môn Vinh Duệ tỏ vẻ vui mừng mà bảo rằng: “mộng thấy quan nhân cầu thỉnh tôi cho sám hối thọ giới”. Tôi bảo: “bần đạo rất khát muốn có được nước uống”. Quan nhân ấy bèn đem nước dâng cho, nước sắc màu như sữa chàm, uống lấy rất ngon lành, tâm đã trong mát tôi mới bảo cùng quan nhân ấy rằng: “trên thuyền có hơn 30 người đã qua nhiều ngày không uống nước, rất đói khát. Xin đàn-việt sẵn đem nước lại cung cấp”. Quan nhân ấy liền gọi mưa hiến lão nhân sử phân rằng: “Các người phụng sự người hãy gấp đem nước đến”. Mộng thấy tưởng như thế, ngày nay hẳn sẽ có nước đến. Các người phải gấp cầm nắm bát đợi chờ”. Mọi người nghe vậy rồi đều cùng vui vẻ. Ngày hôm sau đến khoảng giờ mùi, giữa không trung phía Tây Nam bỗng nhiên mây nổi che phủ trên thuyền, mưa tuôn đổ, mọi người đều nắm bát hứng uống. Qua ngày thứ hai mưa cũng kéo đến, mọi người đều được no đủ. Đến sáng sớm hôm sau gần tới bờ, có 4 con cá trắng đến dẫn thuyền thẳng đến ghe bến thuyền, mọi người trên thuyền cầm bát đua nhau lên bờ đi tìm nước uống. Qua một sườn núi nhỏ gặp một ao nước trong mát ngọt ngon, mọi người dành nhau uống mỗi mỗi đều được no đủ. Ngày hôm sau lại muốn đến ao đó múc lấy nước. Ngày hôm sau nữa nơi chỗ ao ấy chỉ là đất liền không thấy có ao nữa, mọi người cùng nhau vui buồn lẫn lộn mới biết đó là do thần linh biến hiện ra ao nước ấy. Bấy giờ đang là tháng 11, hoa nhĩ đua nở, cây thật mặng tre chẳng hiện bày như mùa hạ. Phàm đi trong biển qua 14 ngày mới đến được bờ, bèn sai người tìm kiếm bến đỗ, mới gặp có 4 người kinh kỹ bèn dẫn đường mà đi. 4 người ấy bảo rằng: “Phước báo của đại hòa thượng rất lớn nên gặp đệ tử, không như vậy hẳn phải chết. Ở xứ này, người vật ăn thịt người. “bỗng nhiên lửa nổi qua lại bèn dẫn thuyền vào cập bến. Đến chiều tối, thấy có một người trùm bịt đầu mang dao, mọi người đều rất khiếp sợ, cho người ấy ăn rồi bèn bỏ đi.

Đêm đó phát xuất, trải qua 3 ngày nữa mới đến bến thuyền Chấn Châu. Người kinh kỹ ấy sang báo ở quận. Biệt Giá. Bằng Sùng Trái phái binh lính hơn 100 người ra nghinh đón dẫn đến Châu Thành. Biệt Giá ra nghinh tiếp mà nói rằng: “đệ tử sớm biết Đại hòa thượng đến. Đêm qua mộng thấy có vị Tăng dòng họ Phong Điền đáng là người cậu của Sùng Trái trong đây có ai là người dòng họ Phong Điền chăng?” Chư Tăng đáp: “không có ai dòng họ Phong Điền” Sùng Trái nói: “trong đây tuy không có người dòng họ Phong Điền, mà nay Đại Hòa Thượng tức là sẽ đáng là cậu của đệ tử”. Bèn liền nghinh đưa Ngài vào trong nhà, thiết

trao cúng dường. Lại đến trong sảnh Thái Thú thiết hội trao truyền giới. Ngài bèn vào ở nghỉ tại chùa Đại Vân thuộc trong châu. Chùa ấy Điện Phật đều bị hư hoại, chúng tăng mỗi người tự xấp xỉ vật để tạo dựng lại Điện Phật. Dừng lại ở đó một năm, xây dựng xong, Biệt Giá Bằng Sùng Trái tự chuẩn bị hơn 800 người đưa tiễn Ngài đi, qua hơn 40 ngày đến Châu Vạn An. Đại Thủ Lãnh châu đó là Bằng Nhã Phương thỉnh mời ngài về ở tại nhà, cúng dường suốt 3 ngày. Mỗi năm, Bằng Nhã Phương thường cướp lấy thuyền của Ba Tư vài ba chiếc lấy mọi vật làm của riêng mình, bắt người làm tội tở. Các tội tở ấy ở Nam Bắc 3 ngày rồi đi, ở Đông Tây năm ngày rồi đi, thứ tự các thôn đều tội tở của Bằng Nhã Phương. Mỗi lúc gặp khách, Bằng Nhã Phương thường dùng nhũ đầu hương làm đèn đuốc, mỗi một lần đốt hơn 100 cân. Sau vườn nhà Bằng Nhã Phương cây gỗ Tô Phương bày chất như núi, ngoài ra còn các thứ tài vật cũng xứng như thế đó.

Đi đến ranh giới Ngạn Châu, ở đó không có giặc cướp, Biệt Giá mới quay trở lại. Các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu theo đường biển đi hơn 40 ngày mới đến Ngạn Châu. Châu Du Dịch Đại sứ Trương Vân ra bái yết nghinh đón dẫn đưa vào ở chùa Khai Nguyên. Quan liêu tham xét thiết trai, cúng thí mọi vật đầy chát phòng nhà. Xứ đó có các thứ ngon lạ khác khẩu vị như là Ích Trí Tử, Tân Lang Tử, Lệ Chi Tử, Long Nhãn, Cam Giá. Câu Diên Lô đầu lớn như chén bát, ngọt ngon như đường mật, hoa như sắt màu bảy báu, cây Thiện Đường Hương Sinh mọc um tùm thành rừng, gió thoảng mùi hương tỏa xa ngoài năm dặm. Lại có cây Ba La Nại, quả lớn như Đông Qua, cây tợ như Minh Tra, đồng hạt quả Tất Bát. Nay thấy lá như Thủy Thông, rễ có mùi tợ như Càn Thi. Tháng mười làm ruộng, qua tháng giêng thu hoạch lúa, nuôi tầm 8 lược, thâu hoạch lúa 2 mùa. Người Nam mặc cây nón, người nữ mặc vải sợi bông, mọi người đều khắc chạm móng chân, đục răng, đánh màu trên mặt, ống bằng mũi, đó là sự kỳ đặc vậy. Đại sứ đã xuống Điển Chánh, làm phiên cúng dường chúng Tăng. Đại sứ tự tay dâng thức ăn, đem lá cây Ưu-đàm-bát sung làm rau sống, lại đem hạt trái Ưu-đàm-bát cúng dường chúng Tăng, mà nói rằng: “Đại hòa thượng có biết chăng? Đây là hạt trái Ưu-đàm-bát, cây này có hạt hoa, đệ tử gặp được Đại Hòa Thượng, như hoa Ưu-đàm-bát thật rất khó gặp vậy”. Lá của nó sắc màu đỏ còn lớn hơn cả thước, hạt sắc màu đỏ tía, mùi vị ngọt ngon. Ở trong ấy gặp phải hỏa hoạn, chùa cùng bị thiêu rụi. Ngài nhận sự cầu thỉnh của đại sứ tạo dựng lại chùa. Chấn Châu biệt giá nghe Ngài tạo dựng chùa, liền sai các tội tở mỗi người một cây rui. Nội trong

3 ngày đều đưa đến, liền tạo dựng Điện Phật, giảng đường, tháp gạch. Cây rui còn thừa lại tạo Tôn Tượng Đức Phật Thích Ca cao trượng sáu. Ngài đăng đàn trao truyền giới, giảng luật, độ người đủ hoàn tất, liền giả biệt đại sứ mà đi. Đại sứ bèn sai Trừng Mại Huyện Lệnh trông coi đưa tiễn Ngài lên đường.

Đi suốt ba ngày ba đêm bèn đến Lôi Châu, Lai Châu, Biện Châu, Tượng Châu, Bạch Châu, Đông Châu, Tất Châu, Ngô Châu, Quế Châu, v.v... các hàng quan nhân tăng tục phụ lão nghênh đón lễ bái, cúng dường, vâng phụng kính thờ, những việc ấy nhiều vô lượng, nói ghi không thể hết. Mới đầu An Đô Đốc Thượng Đẳng Công Bằng Phổ Bộc, v.v... đi bộ ra ngoài thành, gieo cả năm vốc xác đất đánh lễ cho ngài, dẫn đưa vào chùa Khai Nguyên. Vừa mở cửa Điện Phật, mùi hương thơm lan tỏa khắp Thành. chư Tăng trong Thành cầm nắm Tràng Phang, đốt hương, sững ca nhóm tụ vào trong chùa. Quan nhân trăm họ trong Châu Huyện kéo đến đầy chật cả đường đi, lễ bái tán thán, suốt ngày đêm không ngừng nghỉ. Bằng Đô Đốc lại tự tay dâng thức ăn cúng dường chúng Tăng, thỉnh cầu ngài xin được thọ giới Bồ-tát. Giang Đô Đốc có 74 Châu Quan Nhân chọn cử người thi học đều nhóm tậ đến Châu ấy theo Đô Đốc thọ giới Bồ-tát số ấy Đông đảo vô lượng. Ngài dừng ở đấy một năm.

Bấy giờ, Nam Hải Quận Đại Đô Đốc Ngũ Phủ Kinh Lược Thái Phóng Đại Sứ, Nhiếp Ngự Sử Trung Thừa, Quảng Châu Thái Thú Lô Hoán Điệp xuống các Châu nghinh thỉnh Ngài đến Quản phủ. Khi ấy bằng đô đốc đến đích thân đưa tiễn Ngài, tự nâng đỡ Ngài lên thuyền mà nói rằng: “Khổ Bộc con cùng Đại Hòa Thượng sau khi mang chung đến Cung Trời Đức Phật Di Lạc mong cùng được gặp”. Và buồn khóc cùng giả biệt. Xuống Quế Giang, đi 7 ngày đến Ngô Châu, tiếp đến ở chùa Long Hương tại Đoan Châu. Khi ấy Sa-môn Vinh Duệ an nhiên thị tịch, Ngài xót thương thảm thiết tiễn đưa an táng xong rồi mới đi. Đoan Châu Thái Thú nghinh dẫn đưa đến Quảng Châu. Lô (Hoán Điệp) dẫn các hàn đạo tục ra ngoài thành nghinh đón, cung kính vâng phụng tiếp thừa, việc ấy nhiều vô lượng, dẫn đưa Ngài vào chùa Đại Vân, cúng dường tứ sự, đăng đàn thọ giới. Chùa ấy có hai gốc cây Ha Lê Lặc, hạt trái như trái táo lớn. Ở chùa Khai Nguyên lại có nước Hồ tạo bản 9 hồi Kinh Hoa nghiêm bằng Bạch Đàn, đúc xuất 60 người thợ suốt 30 năm tạo mới hoàn tất, vật dụng tốt hơn 4000 quan tiền, muốn đem sang Tây Trúc. Thái Phóng Sứ Lưu Thần Lân dâng trạng văn tấu trình, bèn có sắc ban lưu để lại tại chùa Khai Nguyên cúng dường, dùng 7 báu trang

nghiêm không thể nghĩ bán. Lại có chùa Bà-la-môn 3 cơ sở, đều có các vị Tăng ở đó. Trong ao có hoa sen xanh, hoa lá rể cành đều thoảng tỏa mùi thơm khác lạ. Trong sông có thuyền của Bà-la-môn, Ba Tư, Côn Lôn, v.v... không biết rõ lượng là bao nhiêu chiếc, đều chở hương thuốc trân báu chất đầy như núi, thuyền lút sâu sáu bảy trượng. Người của các nước Sư Tử, Đại Thạch, Cốt Đường, Mán Đỏ, Mán Trắng, v.v... qua lại dừng ở chủng loại lắm nhiều. Thành quanh Châu có 3 lớp. Đô Đốc cầm năm 6 cờ tiết mao, một cờ tiết mao là một quân, oai nghiêm chẳng khác gì vua Chúa. Các màu tía Đào khắp thành, áp ở cách bên cạnh.

Ngài dừng ở đó một mùa xuân, rồi đi đến Thiều Châu, dân chúng cả thành đều đưa tiễn đi xa. Vượt sông qua hơn 700 dặm, đến chùa Thiên Cư ở Triều Châu, dừng ở lại đó 3 ngày. Quan nhân ở Thiều Châu lại nghinh dẫn Ngài vào ở chùa Pháp Tuyên. Chùa đó là do Võ Tắc Thiên vì Thiên sư Tuệ Năng mà tạo dựng. Ảnh tượng của Thiên sư đến nay vẫn hiện còn. Sau đó, Ngài lại dời đến ở chùa Khai Nguyên. từ đó, Sa-môn Phổ Chiếu già biệt ngài theo hướng Lãnh Bắc. Đến ở chùa A-dục Minh tại Minh Châu. Lúc đó là năm Thiên Bảo thứ 9 (750) thời Tiền Đường vậy. Khi ấy Ngài nắm tay Sa-môn Phổ Chiếu buồn mà nói rằng: “vì đạo nghiệp hoằng truyền giới luật, pháp thế nguyện vượt biển mà không đến được nước Nhật Bản, Bản nguyện không thành, từ đây phải chia tay, cả nguyện không thể dự tả!” bấy giờ Ngài từng trải qua nóng đốt, hai mắt sáng bị mờ tối, nhân có một người nước Hồ nói có thể chữa bệnh mắt, Ngài bèn chịu chữa trị, khiến 2 mắt mất hẳn ánh sáng. Sau đó, Ngài lại vân du đến chùa Linh Thứu, chùa Quảng Quả, dâng đàn thọ giới. Ngài lại đến huyện Chinh Xương, qua đánh núi Đại Sư, đến chùa Khai Nguyên ở Xử Châu. Bật Xạ Chung Thiệu Kinh Tả Lân ở đó thỉnh mời Ngài đến nhà, lập đàn thọ giới. Tiếp theo, Ngài lại đến các Châu, Sa-môn Tường Ngạn đoan tọa trên thuyền hỏi Sa-môn Tư Thác rằng: “Đại Hòa Thượng đang ngủ hay thức?” Sa-môn Tư Thác trả lời: “Hòa Thượng ngủ chưa dậy”. Sa-môn Tường Ngạn nói rằng: “nay tôi muốn quyết biệt cùng Đại Hòa Thượng”. Sa-môn Tư Thác bèn gọi: “Đại hòa thượng! Đại hòa thượng!” và đốt hương, mang ghế công lại, để Sa-môn Tường Ngạn tựa vào ghế xoay mặt vào hướng Tây xưng niệm danh hiệu phật A-di-đà. Sa-môn Tường Ngạn liền một tiếng xưng niệm danh hiệu phật xong đoan tọa bật tiếng im lặng. Ngài mới kêu gọi: “Ngạn! Ngạn!” buồn thảm vô vàn.

Bấy giờ các hàn đạo tục ở các Châu nghe Ngài trở về Lãnh Bắc, khắp bốn phương mọi người đua nhau kéo đến, mỗi ngày thường có hơn

300 người, người vật Đông đảo chen chúc, cúng dường mọi thứ rục rờ. Từ đó theo hướng Giang Châu đến chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Chùa đó là chỗ ở của Pháp sư Tuệ Viễn trước kia trong thời nhà Tấn. Ngài Tuệ Viễn lập đàn trao truyền giới, trời mưa Cam lộ nên gọi là Giới Đàn Cam Lộ, đến nay hiện còn. Gần đây, năm Thiên Bảo thứ 9 (750) thời Tiền Đường, có Luật sư Chí Ân cũng tại trên đàn ấy trao truyền giới lại cảm trời mưa Cam Lộ, các hàng đạo tục thấy nghe, ngợi khen đồng như ngài Tuệ Viễn ở thời nhà Tấn xưa kia vậy. Ngài (Đại Hòa Thượng) rất lưu luyến cảnh đất đó, dừng ở đó 3 ngày rồi theo hướng Tầm Dương đến chùa Long Tuyền. Xưa kia, Pháp sư Tuệ Viễn đến đó dựng lập chùa mà không có nước, Ngài (Tuệ Viễn) mới phát nguyện rằng: “chốn đất này nếu có thể nung nấu dừng ở, thì nên khiến tìm được suối nước”. Và bèn nắm tích trượng gõ vào đất, có hai con rồng xanh men theo lên tức trượng mà nước liền bắn vọt lên, đến nay vẫn còn dòng nước ấy trong vọt cách mặt đất khoảng 3 thước, nhân đó mà gọi là chùa Long Tuyền (suối Rồng). Từ đó, đi đường đất đến thành Dương Châu. Thái Thú nhóm tập các hàng Tăng Ni, đạo sĩ, nữ quan trong Châu. Quan nhân, dân chúng trong Châu huyện đem các thứ hương hoa âm nhạc đến nghinh đón Ngài, mời thỉnh cúng dường suốt 3 ngày. Thái Thú đích thân từ huyện Tầm Dương đến trạm Cửu Giang để đưa tiễn. Ngài lên thuyền giả biệt Thái Thú mà đi.

Từ đó, đi 7 ngày đến huyện Giang Ninh ở Nhuận Châu, vào chùa Ngoã Quan, lên gác báu, gác ấy cao hai mươi trượng, do vua Võ Đế (Tiêu Diễn 52-550) thời Nam Lưu tạo dựng, đến nay đã hơn 300 năm nên có sự nghiêng đổ hư hoại. Xưa kia có một đêm nọ, bỗng nhiên gió bão ập thổi đến, đến sáng sớm có người trông thấy dưới 4 góc các có 4 dấu vết Thần dài 3 thước lúc sau dưới đất 3 tấc, nên tạo 4 tượng thần Vương giữ gìn 4 góc tháp. Dấu vết thần ấy đến nay vẫn hiện còn. Xưa kia, vua Võ Đế thời Nam Lưu rất sùng kính Tam bảo, tạo dựng các ngôi Già Lam, nay hiện còn có các chùa Giang Minh, chùa Di Lạc, chùa Trường Khánh, chùa Diên Tộ, v.v... số ấy lắm nhiều, khắc chạm trang nghiêm dốc hết tài năng thầy thợ kéo giỏi. Sa-môn Linh Hựu đệ tử nghe ngài đến bèn từ Chùa Ta Hà Sa đến nghinh đón, vừa trông thấy Ngài liền gieo năm vốc xuống đất tiếp nâng chân ngài, Triển Chuyển buồn khóc mà than rằng: “Đại Hòa Thượng sa đến Hải Đông, con tự cho rằng một đời nay không còn được hầu hạ, ngày nay được thân gần lễ bái, thật là như rùa mù mở mắt thấy mặt Nhật. Đèn giới sáng lại, đường tối hiện rõ ràng!”. liền dẫn đưa Ngài về ở chùa Tê Hà. Ba ngày sau; ngài liền

xuống nhiếp sơn, trở về Dương Phủ, ngược qua sông đến bờ Tân Hà, tức vào dừng ở chùa Ký Tế. Đình Dương Tử. Các hàng đạo tục ở Giang Đô đua nhau đến chật đường. Ghe thuyền trong sông đến nghinh đón nối liền tiếp nhau. Ngài bèn vào thành ở lại chùa Long Hưng xưa cũ. Từ phía Nam Chấn Châu ngài đến Dương Phủ, vượt qua các châu huyện đều lập đàn trao truyền giới, không nơi nào bỏ qua không. Nay cũng ở các chùa Long Hưng, Sùng Phước, Đại Minh, Diên Quang, v.v... ngài vẫn giảng luật trao truyền giới không tạm ngưng nghỉ.

Xưa kia, Luật sư Đạo Ngạn ở Quảng Châu là bậc mạng thế đỉnh sinh, khắp trong thiên hạ có hơn 400 Châu, mọi người đều lấy làm chủ trao thọ giới. Sau khi Luật sư Đạo Ngạn thị tịch, có đệ tử là Luật sư Nghĩa Oai ở Hàn Châu, tiếng tăm vang vọng bốn phương xa, đức hạnh lan tỏa cùng tám xứ, mọi người ở các Châu cũng tôn xưng là bậc thầy trao thọ giới. Đến năm Khai Nguyên năm thứ 21 () thời Tiền Đường, Luật sư Nghĩa Oai thị tịch, bấy giờ Ngài (Đại Hòa Thượng) cũng đã 46 tuổi, Người trì tịnh giới ở Hòa Nam giang tã chỉ riêng mình Ngài ưu tú khác thường. Các hàng đạo tục đều dốc tâm hướng về, kính ngưỡng Ngài là bậc Đại Sư trao thọ giới. Phàm, trước sau, Ngài giảng đại luật là số 40 biển, giảng luật sao 70 biển giảng kinh trọng nghi 10 biển, giảng yết ma số 10 biển, đầy đủ pháp tu tâm học, rộng thấu đạt 5 thừa. Bên ngoài nắm giữ oai nghiêm, bên trong cố cầu lý sâu. Những gút lằng việc giảng trao, ngài tạo lập chùa viện, cúng dường 10 phương chúng Tăng, tu tạo tôn tượng Phật Bồ-tát nhiều vô số, may ngàn cái áo Nạp Cà Sa, hơn ngàn cái áo vải Cà Sa đưa đến cúng dường chư Tăng ở núi Ngũ Đài, thiết Đại Hội Vô Giá, mở ruộng Bi mà cứu giúp người khổ bệnh, lập ruộng kính mà cúng dường Tam bảo, ghi tả hết thủy kinh gồm 3 bộ, mỗi bộ gồm một vạn một ngàn quyển. Trước sau độ người trao truyền giới, tính ra có hơn 40 vạn người. Trong số đệ tử của Ngài có những vị ưu việt đáng làm bậc thầy mô phạm ở đời như là Sa-môn Tường Ngạn ở chùa Sùng Phước tại Dương Châu, Sa-môn Đạo Kiêm ở chùa Thiên Hương tại Nhuận Châu, Sa-môn Quỳnh Quang ở chùa An Quốc tại Tây Kinh, Sa-môn Huy Du ở chùa Tê Hà tại Nhuận Châu, Sa-môn Pháp Tấn ở chùa Bạch Tháp tại Dương Châu, Sa-môn Cầu Ấn ở chùa Tê Hà tại Nhuận Châu, Sa-môn Thần Ấp ở chùa Tường Quốc tại Bá Châu, Sa-môn Pháp Tạng ở chùa Tam Muội tại Nhuận Châu, Sa-môn Chí Ân ở chùa Đại Lâm tại Giang Châu, Sa-môn Linh Vợ ở chùa Phước Quan tại Lạc Châu, Sa-môn Minh Liệt ở chùa Ký Tế tại Dương Châu, Sa-môn Minh Trái ở chùa An Quốc tại Tây Kinh, Sa-môn Quỳnh

Chân ở chùa Đạo Thọ tại Việt Châu, Sa-môn Huệ Tông ở chùa Hưng Vân tại Dương Châu, Sa-môn Pháp Vân ở chùa Quốc Thanh tại núi Thiên Thai, v.v... cả thấy 35 vị đều là những nhân tài xuất chúng, mỗi vị ở một phương, hồng pháp nơi đời, dẫn hóa quần sinh.

Đến ngày nhâm ngọ-15 tháng 10 năm Quý Tỵ, tức năm Thiên Bảo thứ 12 (753) thời Tiền Đường, nước Nhật Bản sai đại sứ Đặc Tấn Đằng Nguyên Triều Thần Thanh Hà, Phó Sứ Ngân Thanh Quan Lục đại phu Quan Lục Khanh Đại bạn tú Di Hồ Ma Lã, Phó Sứ Nhân Thanh Quan Lục Đại Phu Bí Thư Giám Cát Bị triều thần chân bị, vệ uý khanh an bội triều thần Triều Hành, v.v... đến chùa Diên Quang thưa bạch cùng Ngài rằng: “Đệ tử chúng con sớm biết Đại Hòa Thượng 5 lần vượt biển đến nước Nhật Bản giúp muốn truyền giáo nên nay thân gần kính phụng nhan sắc đánh lễ hoan hỷ. Đệ tử chúng con trước ghi tôn hiệu của Đại Hòa Thượng và 5 vị đệ tử trì Luật của Đại Hòa Thượng, đã tấu trình cùng chúa thượng đến nước Nhật Bản hoàn truyền giới. Chúa thượng yêu cầu dẫn đưa các Đạo Sĩ đi, nhưng Quân Vương nước nhật bản từ xưa trước chẳng sùng kính Pháp Đạo Sĩ, bèn tấu các vị Lưu, Xuân, Đào, Nguyên, 4 người khiến ở lại học Pháp Đạo Sĩ. Vì vậy, Đại Hòa Thượng mỗi cũng tự tấu trình rút lui. Xin Đại Hòa Thượng tự tạo phương tiện, đệ tử chúng con có chuyển Quốc Tín các vật và 4 chiếc thuyền, mọi vật đầy đủ, đi cũng không khó không”. Khi ấy ngài liền hứa vâng đã xong.

Bấy giờ các hàng đạo tặc ở Dương Châu đều cho là ngài muốn đến nước Nhật Bản, do đó phòng giữ chùa Long Hưng rất miên mật. Không do đâu có thể phát xuất. Bấy giờ có Thiền sư Nhân Cán từ Vụ Châu đến, kín biết Ngài muốn ra đi chuẩn bị đầy đủ thuyền ghe ở đầu sông cùng đợi. Đến giờ Thất ngày 19 tháng 10 năm Thiên Bảo thứ 12 (753) từ chùa Long Hưng ra đến đầu sông nương thuyền đi xuống. Khi ấy có 24 vị Sa di buồn khóc chạy lại bật cùng Ngài rằng: “Đại Hòa Thượng nay đi đến hải Đông, không do đâu có thể được gặp lại, chúng con là những người sau cùng xin muốn được dự phần kết duyên”. Ngài mới ngay trên bờ sông vì 24 vị Sa di ấy mà truyền giới. Xong rồi Ngài nương thuyền tới bến Hoàng Tứ ở Tô Châu. Có các đệ tử cùng theo, như Sa-môn Pháp Tấn ở chùa Bạch Tháp tại Dương Châu, Sa-môn Đàm Tĩnh ở chùa Siêu Công tại Tuyên Châu, Sa-môn Tư Thác ở chùa Khai Nguyên tại Đài Châu, Sa-môn Nghĩa Tĩnh ở chùa Hưng Vân tại Dương Châu, Sa-môn Pháp Tài ở chùa Linh Diệu tại Cù Châu, Sa-môn Pháp Thành ở chùa Khai Nguyên tại Đài Châu, v.v... cả thấy 14 vị. Lại có Ni Chí Đạo

ở chùa Thông Thiện tại Đẳng Châu, v.v... 3 vị. Lại có Ưu-bà-tắc Phan Tiên Đông ở Dương Châu, An Như Bảo người nước Hồ, Quân Pháp Lực người nước Côn Lôn, Hiện Thính Đô người nước Chiêm Ba, v.v... gồm 24 người. Đồng thời mang theo 3000 viên Xá-lợi thịt của Như Lai, 1 pho Công Đức Tú Phổ Tập Biến, 1 pho Đức A-di-đà Như Lai, 1 pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn khắc chạm bằng Bạch Đàn, 1 pho tượng Thiên Thủ bằng dẹt thêu, 1 pho tượng Bồ-tát Quán Thế Âm cứu thế, các thuy tượng Phật Dược Sư, Phật Di Đà, Bồ-tát Di Lạc mỗi loại 1 pho, Đồng Chương Tử, Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa bằng chữ vàng 80 quyển, Kinh Đại Phật Danh 16 quyển, Kinh Đại Phẩm bằng chữ vàng 1 bộ, Kinh Đại Tập Bằng chữ vàng 1 bộ, Kinh Niết-bàn Nam Bản 1 bộ 40 quyển, Luật Tứ Phần 1 bộ 60 quyển, Tứ Phần Số của Luật sư Pháp Lê 5 bản, mỗi bản 10 quyển, Tứ Phần Số của Luật sư Quan Thống 120 trang giấy, Kinh Trung Ký 2 bản, Bồ-tát Giới Số của Luật sư Trí Châu 5 quyển, Bồ-tát Giới Số của Thích Tử Linh Khê 2 quyển, Thiên Thai Chỉ Quán Pháp Môn, Thiên Nghĩa Văn Cú, mỗi thứ 10 quyển, Tứ Giáo Nghi 12 quyển, Thứ Độ Thiên Môn 11 quyển, Thành Pháp Hoa Sám Pháp 1 quyển, Tiểu Chỉ Quán 1 quyển, Lục Diệu Môn 1 quyển, Minh Liễu Luận 1 quyển, Sức Tông Nghĩa Ký của Luật sư Định Tân 9 quyển, Phô Thích Sức Tông Ký 1 quyển, Giới Số 2 quyển, mỗi bản 1 quyển, Nghĩa Ký của Luật sư Lượng ở chùa Quán Âm 2 bản 10 quyển, Hàn Chú Giới bản 1 quyển và số, Hành Sự Sao 5 bản, Yết Ma Số, v.v... 2 của Luật sư Đạo Tuyên ở Nam Sơn. Giới Bản Số 4 quyển của Luật sư Hoài Tố, Phê Ký 14 quyển của Luật sư Đại Giám. Âm Huấn 2 bản, Tỳ-kheo-ni Chuyển 2 bản 4 quyển, Huyền Trang Pháp sư Tây Vực 1 bản 12 quyển. Quan Trung Sáng Khai Giới Đàn Đồ Kinh 1 quyển của Luật sư Đạo Tuyên ở Trung Nam. cả thảy 48 bộ và vàng vòng, thủy tinh, Phan Cầm Tay 4 cái, . . . vàng ngọc. . . Tây Uất, Bình Lưu Ly đựng đầy 3 hộc hạt Bồ-đề, 20 cành hoa sen xanh, đôi mỗi điệp tử 8 mặt, 2 đôi giày da của Thiên Trúc, 1 xấp hành thư của Vương Hữu Quân Chân Tích, 3 xấp hành thư của Tiểu Vương Chân Tích, 30 xấp chu quà thiên trúc, tạp thư, v.v.... các thứ thủy tinh, Phan Tây trở xuống đều đưa vào trong. Lại có một kho tháp vàng đồng dạng như tháp của A-dục Vương.

Đến ngày Canh Dần - 23 tháng 10, Đại Sứ sử phân ngài Đại Hòa Thượng đã xuống, Thừa Phó Sứ đã xuống thuyền xong, sau đó, đại sứ đã xuống cùng bàn nhau rằng: “nay ở quận Quảng Lăng canh phòng cảnh giác, biết Đại Hòa Thượng đi sang nước Nhật Bản, sắp muốn tìm xét bắt thuyền, nếu bị xét bắt là khiến có ngại, lại nếu bị gió thổi bắt



trở lại ranh giới nước Đường (Trung Hoa) hẳn không khỏi bị tội xấu ác”. Do đó, Chúng Tăng đều xuống thuyền dừng ở lại. Đến đêm ngày Đinh Mùi-mồng mười tháng mười một, Đại Bạt phó sứ trộm với ngài cùng chúng tăng đưa lên thuyền mình, khiến đều không biết. Đến ngày 13, Sa-môn Phổ Chiếu từ quận Dư Diêu tại Việt Châu nương thuyền của Cát Bị Phó Sứ mà đến. Đến ngày nhâm tuý tức ngày 15, 4 chiếc thuyền đồng phát khởi, có 1 con chim trĩ bay trước thuyền thứ nhất, bèn xuống Đỉnh Lưu, qua ngày 16 ra đi, đến ngày Mậu Ngọ tức ngày 21, thuyền thứ nhất và thuyền thứ hai đồng đến đảo A nhi Nại Ba, tại phía Tây Nam Đảo Đa Nỉ, hôm qua thuyền thứ ba đã ghé bến đồng một nơi. Đến ngày mồng 6 tháng 12, gió từ hướng Nam nổi dậy, thuyền thứ nhất mất kẹt đá không di động, thuyền thứ 2 bắt đầu từ đảo Đa Nỉ đi 7 ngày đến đảo Ích Cứu. Ngày 18, từ đảo Ích Cứu bắt đầu đi, qua hôm sau, ngày 19, gió mưa nổi lớn, không biết bốn hướng. Đến giờ Ngọ sóng lớn thấy như đánh núi, đến giờ Ngọ ngày Dất Dậu tức ngày 21, thuyền thứ 2 đã cập bến Thu Thê ốc ở quận A Đa thuộc nước Tát Ma. Đến ngày Tân Mão tức ngày 26, Diên Khánh sứ dẫn ngài vào phủ Thái Tể.

Đến ngày Đinh Mùi tức ngày 11 tháng Giêng năm Giáp Ngọ (754) tức năm Thiên Bình Thắng Bảo thứ 6 (ở Nhật Bản). Phó sứ Tùng tứ vị Thượng Đại Ban Tú Nĩ Hồ Ma Lã tấu trình: “Đại Hòa Thượng đến phủ Thái Tể Trúc Chí” Đến ngày mồng 1 tháng 2, đến Nan Ba, có Sa-môn Đạo Sùng, v.v... người nước Đường (Trung Hoa) đến nghinh đón uỷ an cúng dường. Ngày mồng 3 ngài đến nước Hà Nội, Đại Nạp ngôn Chánh nhị vị Đẳng Nguyên Triều Thần Trọng Ma Lã sai sứ đến nghinh đón uỷ an, lại có Luật sư Đạo Tuyên, người nước Đường (Trung Hoa) sai các đệ tử là Sa-môn Thiện Đàm, v.v... đến nghinh đón thăm hỏi, lại có các Sa-môn Chí Trung, Hiền Cảnh, Linh Phước, Hiếu Quý, v.v... hơn 30 người là những bậc cao hạnh đến nghinh đón bái yết. ngày mồng 4, Ngài vào kinh đô. có sắc ban 4 vị xuống An Túc Vương ra ngoài cửa La Thành nghinh đón uỷ an thăm hỏi, đưa dẫn ngài vào nghỉ tại chùa Đông Đại, ngày mồng 5, có Luật sư Đạo Thuyền người nước Đường (Trung Hoa), Bà-la-môn Bồ-đề-tăng-chánh đến uỷ an thăm hỏi. Tể tướng hữu đại thân, đại nạp ngôn trở xuống, quan nhân cả thấy có hơn 100 người đến bái lễ thăm hỏi. Sau đó lại có sắc ban sứ chánh 4 vị xuống cát bị triều thần chân bị lại tuyên sắc chiếu rằng: “Đại Đức Hòa Thượng từ xa vượt biển sóng đến nước này thật xứng hợp với ý Trẫm, vui mừng uỷ an không thể tả. Trẫm tạo chùa Đông Đại này đã trải qua hơn 10 năm, muốn lập Giới Đàn truyền thọ giới luật. Từ khi có tâm niệm đó suốt đêm

ngày không quên. Nay chư Đại Đức từ phương xa đến hoàng truyền giới luật, rất khế hợp với tâm Trẫm. Từ nay trở về sau, việc thọ giới truyền luật, đều do Đại Hòa Thượng đảm nhiệm”. Lại ban sắc Tăng Đô Lương Biện, bảo ghi các Đại Đức Giám Đàn mỗi mỗi đều vào nội cấm, chưa qua khỏi ngày ấy bèn sắc trao ngôi vị Đại Pháp sư Truyền Đăng. Đến tháng 4 năm đó, ở trước điện Lô Giá Na thiết lập giới đàn, trước hết Thiên Hoàng Đăng Đàn Thọ Giới Bồ-tát, tiếp theo, Hoàng Hậu Hoàng Thái Tử cũng Đăng Đàn Thọ Giới Bồ-tát. Sau đó, ngài vì Sa di Chứng Tu, v.v... cả thảy có hơn 40 người mà trao truyền giới. Lại có các Sa-môn xưa cũ như Linh Hựu, Hiền Cảnh, Chí Trung, Thiện Đảnh, Đạo Duyên, Bình Đức, Nhẫn Cơ, Thiện Tạ, Hạnh Tiềm, Hạnh Nhẫn, v.v... hơn 80 vị xả giới xưa cũ mà thọ giới do Ngài mới truyền trao. Sau đó, đến phía Tây Điện Đại Phật riêng tạo Viện Giới Đàn liền đời đất làm giới đàn nơi Thiên Hoàng Thọ Giới để làm.

Từ năm Thiên Bảo thứ 2 (743) thời Tiên Đường, bắt đầu Ngài truyền giới, 5 lần chinh thúc, vượt biển rất khó khăn, tuy bị nổi trôi xoay chuyển nhưng bản nguyện Ngài vẫn không bị thối thất. Đến lần thứ 6, sang nước Nhật Bản, đã có 36 người vô thường tạ thế, hơn 2 ân vị kẻ Tăng người tục hối tâm. Chỉ có mình Ngài cùng Sa-môn Phổ Chiếu vốn Người Nhật Bản đến cầu học, và Sa-môn Tư Thác trước sau 6 lần, qua 12 năm bèn toại bản nguyện đến truyền Thánh Giới, mới biết tế vật từ bi nhân xưa sâu dày, chẳng tiếc thân mạng trải qua nhiều lần.

Bấy giờ có những người từ 4 phương đến học giới luật, bởi không duyên cúng dường nên phần nhiều thối lui trở về. Việc ấy lọt đến tai vua, nên ngày 23 tháng 11 năm Đinh Dậu (757) tức năm Bảo Tự thứ nhất (ở Nhật bản), vua bèn ban sắc thế đủ 100 đỉnh (10 ngàn mẫu) ruộng nước, Ngài nhân đất ruộng ấy mà muốn tạo dựng ngôi Già Lam, khi ấy, có sắc chỉ cúng thí Ngài một khu đất vườn nhà, đó tức là vườn nhà cũ của nhất phẩm Tân Điền Bộ Thân Vương. Các Sa-môn Phổ Chiếu, Tư Pháp thỉnh mời Ngài lấy đất ấy để tạo dựng ngôi Già Lam, lâu dài hoàng truyền tứ phần Luật Tạng, tứ phần Luật Số của Luật sư Pháp Lệ. Sức Tông Nghĩa Ký của Đạo Tràn Trấn Quốc, Luật Sao của Luật sư Đạo Tuyên, dùng sức hành trì giới để bảo hộ nước nhà, Ngài bảo rằng: “Đất tốt!” Đến ngày mồng 1 tháng 8 năm Bảo Tự thứ 3 (799) riêng lập tên “Đường Luật Chiêu Đề”, sau đó xin đề Quan Ngạch, y cứ theo đó làm chuẩn định. Trở lại lấy ngày đó thỉnh mời Sa-môn Thiện Tuấn giảng kệ Luật Ký, v.v... chỗ lập ấy nay tức là chùa Đường Chiêu Đề vậy.

Mới đầu, Ngài nhận sự thỉnh mời của Trung Nạp Ngôn từ ba vị Bạng Thượng Chân Nhân đến vườn nhà trộm đèn thướng đất đó, biết có thể lập dựng chùa, Ngài bèn bảo đệ tử là Sa-môn Pháp Trí rằng: “đây là phước địa nên dựng lập Già Lam” nay bèn thành chùa, thật đáng tôn xưng Ngài là bậc khéo thấy biết trước vậy. Ngài xuất hiện nói đời trong thời Tượng Quý, đích thân làm sứ giả của Phật. Như trong kinh nói: “Đức Như Lai ở khắp nơi nơi độ người, các ông cũng nên khéo học theo Đức Như Lai, rộng thực hành độ người. Ngài đã tiếp thừa di Đông độ người Đông đến số 4 vạn. Như sự kiện lược nói trên và biến số tuyên giảng.

Luật sư Đạo Tuyên, người nước Đường (Trung Hoa) thưa thỉnh Sa-môn Tư Thác Đệ Tử của ngài rằng: “với sở học xa trước có có giềng mối nền tảng, Đệ Tử của Đạo Tuyên tôi thông hiểu Hán ngữ, tôi muốn khiến học Luật Số của Luật sư Pháp Lệ và Quốc Ký của Đạo Tràn Quán Quốc mong được khai này giảng dạy”. Sa-môn Tư Thác bèn nhận lời đến ở Huyện Đại An Đường vì các Sa-môn Nhẫn Cơ v.v... suốt trong bốn năm năm nghiên mài vài biến.

Năm Bảo Tự thứ 3 (759), Sa-môn Nhẫn Cơ ở phía Đông Viện Đại Đường giảng sở ký, Sa-môn Thiện Tuấn ở Chùa Đường giảng kiện số ký, Sa-môn Trung Tuệ ở gần sông giảng kiện số ký, Sa-môn Huệ Tân ở Viện Tháp Đại An giảng kiện số ký, Sa-môn Thường Ngụy ở chùa Đại An giảng kiện số ký, Sa-môn Chân Pháp ở Chùa Hưng Pháp giảng kiện số ký, từ đó trở lại Luật Nghi ở Nhật Bản dần dần nghiêm chỉnh, thầy trò tương truyền khắp cùng hoàn vũ, như lời Phật dạy: “các Đệ Tử của Ta triển chuyển hành trì tức là Đức Như Lai vẫn thường trú bất diệt, cũng như một ngọn đèn tiếp đốt trăm ngọn đèn, bóng tối đều sẽ sáng rõ bất tuyệt”.

Đến mùa Xuân Năm Quý Mão (763) tức năm Bảo Tự thứ 3, Đệ tử Sa-môn Nhẫn Cơ mộng thấy coat kẻo giảng đường gãy đổ, tỉnh giấc kinh sợ, biết đó là tướng Ngài sắp thị tịch, bèn đốc thúc các Đệ tử mô phỏng tạo ảnh của Ngài. Đến ngày mồng 6 tháng 5 năm đó, Ngài ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây mà thị tịch, thướng thọ 76 tuổi, sau khi thị tịch, đã 3 ngày mà trên đỉnh đầu ngài vẫn nóng ấm, do đó, lưu để lâu dài chẳng vội tẩm liệm. Đến lúc trà tỳ có mùi hương thơm lan tỏa khắp núi.

Lúc bình sinh Ngài thường bảo cùng Sa-môn Tư Thác rằng: “về sau, đến lúc mạng chung, mong nguyện đốn tọa mà thị tịch. Ông nên vì ta mà riêng lập ảnh Đường tại viện Đạo Tràn, nơi phòng ở cũ cùng

ở với chúng tăng”. Trong Kinh Thiên Tý nói rằng: “lúc lâm chung mà đoan tọa như nhập thiền định, nên biết người ấy đã vào Sơ Địa”. Lấy đó để chứng nghiệm thánh phàm khó lường biết vậy. Đến năm Giáp Thìn (764) tức năm Bảo Tự thứ 8 từ nước Nhật Bản sai phái đến các chùa ở Dương Châu nước Đường (Trung Hoa) đều tiếp thừa nghe được hung tin Ngài đã thị tịch, tất cả đều mặc tang phục xoay về hướng Đông buồn khóc suốt 3 ngày. Đô Hội chùa Long Hưng thiết Đại Trai Hội, trước đó chùa Long Hưng gặp phải hỏa hoạn tất cả đều bị thiêu đốt, chỉ riêng Phòng Viện chỗ ở xưa cũ của Ngài không bị tổn hại. Đó cũng bởi sự tốt lành dư thừa của Giới Đức vậy!

(Truyện Đại Hòa Thượng Đông Chinh thời Tiền Đường, 1 quyển hết).

\*\*\*\*\*

*Soạn thuật ngày Kỷ Mão-tức ngày mồng 8 tháng 2 năm Kỷ Mùi (779) nhằm năm Bảo Quy thứ 10*

### **\* Tin báo đầu tiên về Đại Hòa Thượng**

(2 bài và lời tựa)

Nghe rằng: Phật pháp lưu truyền đến phương Đông, Tôn giả Ca Diếp Ma Đằng vào nơi Giáp Lạc, chân giáo tỏa trùm phương Nam, Ngài Khương Tăng Hội vân du đến Ngô Đô. Văn ấy chưa tan mất hẳn có mạng thế giúp hồng truyền đạo ấy. Thật chờ đợi Minh Hiền, Hoàng Đế nước ta y cứ Long đô ấy, tế độ quần sinh ở ngoài 8 xứ, nhận sự dự ghi của Phật dẫn dắt muôn dân đến Tam Thừa, thì có mang đánh ném quân, tuy sánh vai ở cung tía mà nương chén nghe chuông, chưa liên ảnh ở Huyền môn. Nhân có Đại Hòa Thượng Giám Chân bày lưới giới mà từng đến. Xà lê Pháp Tấn đốt đuốc tuệ mà dừng nghỉ. Tượng hóa lăm tài sĩ, do đó mà hưng thịnh, huyền phong chẳng rơi lạc thật nhờ từ đó vậy! Đệ tử dẫm vết huyền trần, tâm rong nơi chân tế, kính phụng Tam bảo có nơi, vui mừng Nhất Giác chẳng xa, muốn tán thán phương du, cất lên tiếng sáo nhẹ, xin đề rằng:

*“Ma Đằng đến Hán khuyết  
Tăng Hội vào Ngô cung  
Đâu như Hòa thượng Chân  
Ngâm sách vượt biển Đông  
Rừng Thiên lưới Giới kín  
Vườn Tuệ hoa Giác đơm  
Muốn biết đường bến thuyền*

*Cửa Thiền được diệu công  
Ta là khách vô minh  
Mê hoài bến hữu lậu  
Nay đây được khéo dẫn  
Nghĩ nhớ dứt trần ai  
Giống Đạo nẩy mầm Hạ  
Hoa Không lại vào Xuân  
Tự nương đức Tam bảo  
Ai sợ sáu ma sân ”.*

**\*Bài Từ ngữ ngôn kính thương Đại Hòa Thượng  
truyền đăng dã thị tịch**

(Đệ tử được truyền đăng Sa-môn Thích Tư Thác người nước Nhật Bản  
kính thuật).

*“Thượng Đức nương bè vượt  
Người Vàng đến trời Đông  
Hương Giới thừa tỏa ngát  
Đuốc Tuệ lại lưu phong  
Trăng ẩn về Linh Thứu  
Ngọc trốn vào Phạm cung  
Thần vượt ngoài sinh tử  
Di giáo trong Pháp môn”*

**\*Bài Từ ngữ ngôn kính thương Đại Hòa Thượng.**

Kim tử quan lộc đại phu trung nạp ngôn hành thức bộ khanh thạch  
thượng trách từ kính thuật.

*“Thượng Đức theo đổi đời  
Đuốc thừa gió muốn tắt  
Chiêu đề thuyền cỏ tước  
Viện giới rõ không hoa  
Sinh tử buồn ngâm hận  
Chân như vui đâu cùng  
Chỉ trông người thường tu  
Không đâu chẳng để vết!”*

**\*Bài Từ ngữ ngôn kính thương Đại Hòa Thượng**  
(Đồ Thư Liêu và Đản Mã Thủ Đẳng Nguyên triều thân  
Thế Hùng kính thuật)

*“Muôn dặm truyền đước soi  
Gió mây xa nước thơm  
Anh Thiên chiếu trăm ức  
Trăng Giới rọi ngàn thôn  
Buồn thay về Tịnh Độ Thương  
thay đến tuyên trường Gởi lời  
viết Đẳng Lan  
Hồng từ sáng muôn đời”.*

**\* Bài Từ ngữ ngôn nhân sứ giả nước Nhật Bản báo tin Đại Hòa  
Thượng Giám Chân đã thị tịch, không được kính hầu Tôn Nhan nên  
tự than mà bày thuật nổi lòng.**

Đồ Ngu Hầu Quan Quân Đại Tướng Quân Thế Thái  
Thượng Khanh Thượng trụ quốc Cao Hạc Lâm kính thuật.

*“Thượng phượng quyền Phật giáo  
Danh tăng hiệu Giám Chân  
Mang Tạng thông nước gân Chân  
như chuyển trao dân  
Sớm nhàm chốn ngũ trược  
Lẳng xa chốn huyên trần  
Thiền viện từ xưa nay  
Tùng xanh nhiều tháp mới  
Pháp lưu lại ngàn năm  
Tên ghi rõ muôn đời”.*

**\* Bài Từ thất ngôn kính thương Đại Hòa Thượng**  
(Đệ tử được Pháp sư truyền đăng Sa môn Đại Tăng Đô Thức Pháp Tấn  
kính thuật)

*“Đại Sư thương dưỡng hợp viên không  
Xa tít truyền đăng chiếu biển Đông  
Độ người thể cỏ đầy thạch thất  
Truyền ban Phật giới tiếp di phong  
Duyên xong phân thân về cõi Tịnh  
Ta bà ai lại làm nghiệm Rong!”*

## **6. TRUNG THIÊN TRÚC HÀNH KÝ CỦA VƯƠNG HUYỀN SÁCH Ở THỜI TIỀN ĐƯỜNG VÀ TÂY VỨC CHỈ DẬT VĂN DO BÁCH QUAN SOẠN THUẬT Ở THỜI TIỀN ĐƯỜNG**

(Thiên Trúc Hành Ký, còn gọi là Tây Quốc Hành truyện, Tây Quốc Hành Ký, văn ấy ghi tại Pháp Uyển Châu lâm và ở Chư Kinh Yếu Tập, v.v... nay chỉ lược nêu bày đây vậy).

Về vua nước Ba Lạt Xà vì người Hán mà thiết bày 5 người nữ đưa bôn. (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 4, Đại Chánh quyển 53 trang 296a)

Về Vạc Sỏi ở nước Thổ Phiên (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 8, Đại Chánh quyển 53 trang 332a)

Về ao lửa nước ao Bà La (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 16, Đại Chánh quyển 53 trang 45a và Chư Kinh Yếu Tập quyển 1, Đại Chánh quyển 54)

Về Cốt Đảnh Thạch từ Tây Trúc đem lại (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 29, Đại chánh quyển 53 trang 498 a)

Về vua nhà Cư Sĩ Tịnh Danh dùng hốt mà đo lường nền móng (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 29, Đại chánh quyển 53 trang 51 c)

Về Tôn Tượng ở Ma-ha Bồ-đề (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 29, Đại chánh quyển 53 trang 52 c)

Về bia dựng lập tại chùa Ma-ha Bồ-đề (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 29, Đại chánh quyển 53 trang 53 a)

Về văn bia dựng lập tại núi Kỳ Xà Quật (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 29, Đại chánh quyển 53 trang 54 a)

Về núi Báu ở ranh giới phía Nam nước Thổ Phiên (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 64, Đại chánh quyển 53 trang 770 b)

Về Vương Tử Câu Na La (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 91, Đại chánh quyển 53 trang 960 a)

Về Pháp Xưng Người ở nước Ma Già Đà (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 91, Đại chánh quyển 53 trang 963 a)

Về Sa-môn Vương Đạt Ma ở chùa Bồ-đề hỏi sắc sử người Hán (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 98, Đại chánh quyển 53 trang 112 c)

Về Đại Đức Tăng-dư-na-như-tuyến-đà ở chùa Bồ-đề tại nước Ma Già Đà tính ra thời Gian Đức Phật nhập Niết-bàn (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 100, Đại chánh quyển 53 trang 128 b)

Về Hang Tu La tại nước Chiên Ba (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 5, Đại chánh quyển 53 trang 310 b)

Về Pháp Y Ca Sa của Đức Phật (Còn gọi là Tôn Tượng Trắng của

Đức Phật Thích Ca tại rừng Sa La Sông Thọ, đá hong phơi y Ca Sa của Đức Phật tại núi Kỳ Sà Quật) (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 335, Đại chánh quyển 53 trang 559 b)

Về Tháp ở nước Tây Vực trông thấy (còn gọi là chùa của người Hán tại nước Kế Tân, Bồ-tát Long Thọ vào biển lớn hóa tai vương, Bồ- tát Long Thọ đến nước Ba La Nại tạo dựng 700 ngôi tháp, Bảo Tháp Tức Ly ở phía Đông Nam thành Càng Đà La tại Tây Vực) (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 38, Đại chánh quyển 53 trang 589 a)

Về chùa núi Đản Đặc tại nước O Trành (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 39, Đại chánh quyển 53 trang 597 b)

Về Vương Huyền Sách đi sứ đến Tây Vực trước sau 3 lần (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 55, Đại chánh quyển 53 trang 73 c)

---

## **7. DU THIÊN TRÚC KÝ DẬT VĂN CỦA SA-MÔN THƯỜNG MÃN Ở THỜI TIỀN ĐƯỜNG**

(Du Thiên Trúc Ký còn gọi là Du Lịch Ký, văn ấy ghi tại Tam bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục, nay chỉ nêu bày sơ lược ở đây).

Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật Thích Ca bằng vàng và bằng gỗ của vua nước Ưu Điền và vua Ba Tư Nặc (Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục Quyển Thượng, Đại Chánh quyển 51 trang 821 a)

Cảm ứng của Sa-môn Đạt Ma Lưu Tri người nước Tăng Già Bồ La thuộc Bắc Ấn Độ cảm được Tôn Tượng Đức Phật Thích Ca cảnh tỉnh dạy răn (Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục Quyển Thượng, Đại Chánh quyển 51 trang 830 b)

Cảm ứng của sự tu tạo Tôn tượng Đức Phật Tỳ Lô Giá Na mà được phủ trừ chướng ngại (Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục Quyển Thượng, Đại Chánh quyển 51 trang 833 b).

